

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 151/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 02 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2026. Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (cũ) hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2026/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 6 và khoản 8 Điều 64, khoản 6 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; khoản 7 Điều 72 Luật số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

b) Những nội dung không được quy định trong văn bản này thì thực hiện theo quy định tại Luật số 72/2020/QH14 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến việc quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động quản lý chất thải* là các hoạt động kiểm soát chất thải trong suốt quá trình từ phát sinh, phân loại đến thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời, tái chế, xử lý hoặc tái sử dụng nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.

2. *Chất thải rắn công nghiệp thông thường* là chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc danh mục chất thải nguy hại và không thuộc danh mục chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.

3. *Chất thải rắn xây dựng* là chất thải rắn phát sinh trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng công trình (bao gồm công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ).

4. *Bùn thải* là chất thải rắn dạng sệt được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác.

5. *Lưu giữ tạm thời chất thải rắn* là việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng trong một khoảng thời gian nhất định tại vị trí, địa điểm được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước khi chuyển giao hoặc vận chuyển đến địa điểm hoặc cơ sở xử lý.

6. *Tái sử dụng chất thải rắn* là việc sử dụng lại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng một cách trực tiếp hoặc sau khi sơ chế mà không làm thay đổi tính chất của chất thải.

7. *Chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng* là chủ đầu tư (bao gồm các hộ gia đình) hoặc nhà thầu chính thi công xây dựng công trình (được chủ đầu tư ủy quyền thông qua hợp đồng) có phát sinh chất thải rắn xây dựng.

8. *Chủ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng* là các tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý chất thải

1. Chất thải phát sinh phải được quản lý đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 72 Luật số 72/2020/QH14.

2. Quản lý chất thải rắn phải từng bước hướng đến đảm bảo theo nguyên tắc đối tượng gây ô nhiễm, suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật

3. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải; việc đầu tư mới các cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo hướng tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý thu hồi năng lượng, hạn chế và giảm dần tỷ lệ chôn lấp chất thải.

4. Khuyến khích tái chế, tái sử dụng chất thải rắn; áp dụng các công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường để xử lý chất thải rắn, trong đó ưu tiên sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ có thể xử lý để sử dụng làm phân bón vi sinh hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Việc sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải phải tuân theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải có trách nhiệm nộp phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

6. Ưu tiên ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong công tác quản lý, giám sát chất thải; thúc đẩy việc sử dụng các công nghệ số và các nền tảng số để theo dõi, truy xuất nguồn gốc chất thải, quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý và giám sát môi trường theo thời gian thực; từng bước hình thành hệ thống quản lý chất thải thông minh của tỉnh Quảng Trị.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 4. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật số 72/2020/QH14.

Trường hợp tái sử dụng, sử dụng trực tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường đã được phân loại phải thu gom, lưu chứa trong các thiết bị hoặc khu vực lưu giữ riêng, không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3. Chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật số 72/2020/QH14 và Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP .

4. Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP .

5. Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật số 72/2020/QH14 và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Thiết bị, dụng cụ lưu chứa, kho hoặc khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

7. Nghiêm cấm các hành vi chuyển giao, đổ thải chất thải rắn công nghiệp thông thường vào các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

8. Tuyến đường, thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý thực hiện theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Điều 5. Quản lý chất thải nguy hại

1. Việc khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật số 72/2020/QH14 và Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

2. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3. Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 72 và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Nghiêm cấm các hành vi chuyển giao, đổ thải chất thải nguy hại vào các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

5. Tuyến đường, thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại thực hiện theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Điều 6. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải y tế

1. Chất thải rắn sinh hoạt được quản lý theo quy định tại Luật số 72/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác liên quan; chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh được quản lý theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Chất thải y tế được quản lý theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 7. Quản lý nước thải

1. Việc quản lý nước thải phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật số 72/2020/QH14, Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

2. Các nguồn phát sinh nước thải phải được quản lý, kiểm soát và quan trắc theo quy định tại Điều 86 Luật số 72/2020/QH14, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến phát thải nước thải vào môi trường có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Điều 8. Quản lý bụi, khí thải công nghiệp và các chất ô nhiễm khác

1. Chất lượng môi trường không khí phải được quan trắc, theo dõi, giám sát thường xuyên, liên tục và công bố công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí; cảnh báo cho cộng đồng dân cư và triển khai biện pháp xử lý trong trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm gây tác động đến sức khỏe cộng đồng;

2. Các nguồn phát thải bụi, khí thải và các chất ô nhiễm khác phải được quản lý, kiểm soát và quan trắc theo quy định tại khoản 3 Điều 72, Điều 88 Luật số 72/2020/QH14 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất, lưu lượng khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân, công trình, thiết bị xử lý khí thải phải có chụp hút, thiết bị bảo đảm thu gom, xử lý khí thải phát sinh trước khi thải ra ngoài môi trường qua ống thải.

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh có phát thải bụi, khí thải vào môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp giảm thiểu, thu gom, và xử lý bụi, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải vào môi trường.

5. Việc quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu thực hiện theo quy định tại Điều 89 Luật số 72/2020/QH14.

CHƯƠNG III QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG

Điều 9. Phân loại chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng phải được phân loại ngay tại nơi phát sinh thành các loại sau đây:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái chế được;
- b) Chất thải rắn có thể được tái sử dụng ngay trên công trường hoặc tái sử dụng ở các công trường xây dựng khác;
- c) Chất thải không tái chế, tái sử dụng được và phải đem đi chôn lấp;
- d) Chất thải nguy hại được phân loại riêng và quản lý theo quy định tại các Điều 83, 84, 85 Luật số 72/2020/QH14 và các văn bản pháp luật hướng dẫn về quản lý chất thải nguy hại.

2. Chất thải rắn xây dựng sau khi phân loại không được để lẫn với các chất thải khác và phải được lưu giữ riêng theo quy định.

3. Trong trường hợp chất thải rắn xây dựng thông thường có lẫn với chất thải nguy hại thì phải thực hiện việc phân tách phần chất thải nguy hại. Nếu không thể tách được thì toàn bộ hỗn hợp phải được quản lý như chất thải nguy hại.

Điều 10. Thu gom, lưu giữ chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Khi tiến hành thi công xây dựng công trình, chủ nguồn thải phải bố trí thiết bị hoặc khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng trong khuôn viên công trường hoặc tại địa điểm theo quy định của chính quyền địa phương.

2. Thời gian lưu giữ chất thải rắn xây dựng phù hợp theo đặc tính của loại chất thải và quy mô, khả năng lưu chứa của thiết bị, địa điểm lưu giữ.

3. Về thu gom chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn công nghiệp thông thường được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 11. Cơ sở thu gom chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chủ cơ sở thu gom chất thải rắn xây dựng có trách nhiệm đảm bảo các yêu cầu sau đây:

1. Hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Phải có đủ thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn theo quy định.

3. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng đến cơ sở xử lý đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hoặc công trình khác để tái sử dụng. Chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển.

4. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa chủ nguồn thải và chủ cơ sở cung cấp dịch vụ, được thể hiện trong hợp đồng thu gom, vận chuyển.

Điều 12. Vận chuyển chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được vận chuyển đến điểm đổ thải, điểm tập kết, cơ sở xử lý được đầu tư xây dựng theo quy hoạch về xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cơ sở tái chế, tái sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc địa điểm đổ thải theo quy hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu tại khoản 5 Điều 81 Luật số 72/2020/QH14.

3. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và mẫu biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 đến khoản 5 Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Mẫu biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường được thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Đối với chất thải rắn có thành phần chất thải nguy hại phải được thu gom, vận chuyển theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng đang hoạt động phải có dòng chữ “VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI” ở hai bên thành của phương tiện với chiều cao ít nhất là 15cm, kèm theo tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

6. Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải; không gây phát tán bụi, mùi; tuân thủ đúng quy định về an toàn giao thông tại địa phương. Trường hợp chất thải đặc thù có khối lượng lớn phải được chứa, đựng trực tiếp bằng các thiết bị, thùng chứa của phương tiện vận chuyển.

7. Việc vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải tuân thủ đúng thời gian và lộ trình về tuyến đường, an toàn giao thông và các quy định của cơ quan có thẩm quyền về phân luồng giao thông tại địa phương.

8. Chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị phải được thu gom và chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo Quy định này, trừ trường hợp thực hiện theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 5 Điều 64 của Luật số 72/2020/QH14.

9. Chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải được tái sử dụng hoặc vận chuyển đến địa điểm đổ thải theo quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt; không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

Điều 13. Tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái chế, tái sử dụng theo các mục đích sau:

- a) Chất thải rắn xây dựng được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất;
- b) Chất thải rắn xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng;
- c) Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào móng cọc được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp.

2. Khuyến khích tái chế, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng ngay tại công trường hoặc chuyển giao chất thải rắn xây dựng cho các cơ sở, công trình khác, cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng để tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng với quy trình, công nghệ phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường theo quy định tại Điều 82 của Luật số 72/2020/QH14.

Điều 14. Xử lý chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Chất thải rắn xây dựng phải tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý hoặc chuyển giao cho các đối tượng sau đây:

- a) Cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật;
- b) Cơ sở sản xuất có chức năng đồng xử lý chất thải phù hợp;
- c) Cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp;
- d) Cơ sở vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đã có hợp đồng chuyển giao với đối tượng quy định tại các điểm a, b hoặc c khoản này.

2. Khuyến khích việc xử lý chất thải rắn xây dựng tại nơi phát sinh với quy trình, công nghệ phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường.

3. Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng, bao gồm:

- a) Nghiền, sàng;
- b) Sản xuất vật liệu xây dựng;
- c) Chôn lấp;
- d) Các công nghệ khác.

4. Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng phải phù hợp với quy mô, công suất và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội.

5. Việc lựa chọn chủ đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 15. Đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động thu gom phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng với mọi hình thức đầu tư theo quy định.

2. Dự án đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng được hưởng ưu đãi theo các quy định về ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

CHƯƠNG IV QUẢN LÝ MỘT SỐ LOẠI CHẤT THẢI ĐẶC THÙ KHÁC

Điều 16. Quản lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu

1. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu các hộ gia đình, cơ quan hành chính, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải được thông hút định kỳ;

2. Việc thông hút, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải bằng các

phương tiện, thiết bị chuyên dụng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

3. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải được thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc các địa điểm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép để xử lý;

4. Chi phí thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu do các chủ hộ gia đình, cơ quan hành chính và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ chi trả theo hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ;

5. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các Điều 81, 82 Luật số 72/2020/QH14 và các văn bản pháp luật hướng dẫn về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

6. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn thải bể phốt, hầm cầu phải là các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về giao thông và bảo vệ môi trường.

Điều 17. Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Bùn thải từ hệ thống thoát nước được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định; không được phép xả thải bùn thải chưa qua xử lý ra môi trường.

2. Trường hợp bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định tại các Điều 83, 84, 85 của Luật số 72/2020/QH14 và các văn bản pháp luật hướng dẫn về quản lý chất thải nguy hại;

3. Nội dung quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải.

4. Nghiêm cấm xả thẳng bùn thải vào hệ thống thoát nước, kênh rạch, ao hồ, môi trường xung quanh.

5. Đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển phải đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng được phép lưu hành, chứng nhận kiểm định đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định; không gây rò rỉ, phát tán bùn, mùi ra môi trường; có biện pháp xử lý sự cố trong quá trình thu gom, vận chuyển.

6. Việc chuyển giao bùn thải từ chủ nguồn thải hoặc từ đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển cho đơn vị xử lý phải được lập biên bản bàn giao, mỗi bên giữ một bản; phải phù hợp quy định về quản lý chất thải và quy định khác liên quan.

7. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý bùn từ hệ thống thoát nước phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật số 72/2020/QH14 và các quy định liên quan.

Điều 18. Quản lý chất thải nhựa

Việc quản lý chất thải nhựa thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 73 Luật số 72/2020/QH14; Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định sau đây:

1. Hạn chế sử dụng băng rôn, khẩu hiệu, chai, cốc, ống hút, bát, đĩa nhựa dùng một lần tại công sở và trong các hội nghị, hội thảo, cuộc họp và ngày lễ, lễ kỷ niệm và các sự kiện khác; ưu tiên chọn các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.

2. Chủ các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch xây dựng kế hoạch hạn chế sử dụng và tiến tới lộ trình kể từ Quý I năm 2026, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.

3. Các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện việc phân loại chất thải nhựa tại nguồn để tái sử dụng, tái chế phục vụ sản xuất hàng hóa, vật liệu xây dựng, công trình giao thông; trường hợp không thể tái chế, chất thải nhựa phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng theo quy định. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 19. Quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển

1. Khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường biển thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa do cơ quan trung ương quản lý (đoạn chảy qua địa phận tỉnh Quảng Trị) thì thực hiện theo dự án do cơ quan trung ương phê duyệt và các yêu cầu bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của dự án do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Đối với các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa do tỉnh Quảng Trị quản lý thì thực hiện theo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Các yêu cầu chung về khu vực, địa điểm đổ thải khi xem xét thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường.

a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác của địa phương.

b) Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định.

c) Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước.

d) Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom vật chất từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa.

CHƯƠNG V TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ nguồn thải

1. Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải cho đơn vị thu gom, vận chuyển đúng thời gian, phương thức theo quy định. Trường hợp chủ nguồn thải và đơn vị thu gom, vận chuyển tự thỏa thuận, thực hiện thu gom, chuyển giao theo thời gian, phương thức đã thỏa thuận, đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Thực hiện hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; các quy định về quản lý cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển xử lý chất thải và các quy định hiện hành liên quan.

3. Chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật hoặc theo hợp đồng giữa chủ nguồn thải và tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

4. Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, sử dụng thiết bị lưu chứa đúng quy định; thu gom, tập kết chất thải đúng thời gian, đúng nơi quy định; không được vứt, thải, đổ, bỏ chất thải ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, bản, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

5. Dọn dẹp vệ sinh môi trường trong khu đất do mình sử dụng; giữ gìn vệ sinh môi trường vỉa hè trước và xung quanh nhà, cơ sở hoặc trụ sở làm việc. Không được vứt, thải, đổ, bỏ chất thải trước nhà, vỉa hè không có thùng lưu giữ rác, trên lòng lề đường, miệng hố ga, ao hồ, sông, suối, kênh hoặc vào các nơi công cộng khác.

6. Cá nhân, chủ nguồn thải kinh doanh dịch vụ ăn uống phải bố trí thùng rác tại mỗi bàn ăn hoặc bố trí thùng chứa rác riêng để phục vụ cho vị trí kinh doanh dịch vụ ăn uống.

7. Phối hợp cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải.

8. Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải; các vi phạm đối với Quy định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

9. Đối với chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường tự xử lý chất thải phải đảm bảo an toàn về môi trường. Trường hợp chủ nguồn thải có hồ sơ bảo vệ môi trường, thực hiện theo hồ sơ bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

10. Tham gia các lớp tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải; tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thu gom rác thải, vệ sinh môi

trường do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động; tham gia xây dựng tuyến phố, tuyến đường, tổ dân phố, khu dân cư, tổ tự quản, văn minh “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”.

Điều 21. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải

1. Lập phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật và quy định của tỉnh; công khai thông tin về đơn giá, ký hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải không phải là chất thải rắn sinh hoạt với chủ nguồn thải.

2. Quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3. Phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến giá dịch vụ thu gom chất thải tại nguồn, vận chuyển chất thải theo quy định do cấp có thẩm quyền ban hành và các quy định hiện hành liên quan.

5. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải.

6. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và công bố rộng rãi.

7. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tuyên truyền vận động hộ gia đình, chủ nguồn thải về trách nhiệm quản lý chất thải và nghĩa vụ nộp tiền giá dịch vụ.

8. Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi hoặc rò rỉ nước rỉ rác gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển đến các điểm tập kết, khu vực xử lý.

9. Đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

10. Tổ chức khám bệnh định kỳ, bảo đảm các chế độ cho người lao động tham gia thu gom chất thải theo quy định.

11. Định kỳ trước ngày 10 tháng 01 năm sau, chủ thu gom, vận chuyển chất thải báo cáo thống kê danh sách số lượng chủ nguồn thải, khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển; số lượng, loại phương tiện thu gom, địa bàn thu gom chất thải trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường của năm, gửi Sở Nông nghiệp và Môi

trường, Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

12. Các tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước có trách nhiệm đảm bảo chất lượng phương tiện thu gom, vận chuyển đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Điều 12 quy định này.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ đơn vị xử lý chất thải

1. Xây dựng, lập phương án thu giá dịch vụ xử lý chất thải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định, phê duyệt làm cơ sở ký hợp đồng dịch vụ công ích theo quy định pháp luật và quy định của tỉnh;

2. Thực hiện các công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định;

3. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp giấy phép;

4. Quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải theo đúng quy trình công nghệ. Thực hiện xử lý chất thải theo đúng quy định này và quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo tái sử dụng tối đa chất thải, giảm thiểu chất thải phải chôn lấp, không được để lẫn các loại chất thải đã phân loại để xử lý;

5. Có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước, các bên có liên quan trong trường hợp ngừng dịch vụ xử lý để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hạ tầng, thiết bị xử lý chất thải. Nội dung thông báo phải nêu rõ lý do, thời gian tạm dừng, thời gian tiếp tục xử lý;

6. Khi phát hiện sự cố môi trường phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và xây dựng các biện pháp khắc phục; kịp thời thông báo với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý tài nguyên, môi trường và các cơ quan có liên quan để phối hợp xử lý;

7. Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải theo quy định;

8. Phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự, an toàn khu vực xử lý và xung quanh cơ sở xử lý chất thải được giao quản lý, vận hành;

9. Lập báo cáo công tác xử lý chất thải định kỳ hàng năm theo quy định, hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 23. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định này;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với Sở Tài chính tham gia đánh giá năng lực thực hiện các hợp đồng đấu thầu, đặt hàng của các đơn vị thực hiện;

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả công tác quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định tại Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động vận chuyển, phương tiện vận chuyển chất thải theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với các Sở, ban, ngành kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan quản lý chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh theo quy định;

c) Giám sát các phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo tình hình hoạt động quản lý chất thải rắn xây dựng thuộc phạm vi quản lý về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho hoạt động quản lý chất thải trong dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, định hướng thu hút, xúc tiến, thu hút đầu tư đối với các dự án trong lĩnh vực xây dựng cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh; Tham mưu cơ chế hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định pháp luật (nếu có); Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư.

c) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu các công nghệ trong lĩnh vực xử lý chất thải phù hợp với định hướng, quy hoạch của tỉnh; hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ trong lĩnh vực xử lý chất thải phù hợp với các Chương trình, Kế hoạch của ngành;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ và các quy định của pháp luật khác liên quan;

c) Phối hợp tham mưu phát triển hạ tầng số, nền tảng dữ liệu và hệ thống quan trắc phục vụ quản lý, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và tính minh bạch thông tin.

d) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

5. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, Công an cấp xã thường xuyên kiểm tra, phát hiện các tổ chức, cá nhân vi phạm trong công tác quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh để xử lý theo quy định của pháp luật; tăng cường công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý chất thải.

b) Chỉ đạo các lực lượng công an cấp xã tăng cường công tác nắm tình hình; thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

d) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

6. Thuế tỉnh Quảng Trị

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường trong xây dựng, điều chỉnh phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải thực hiện sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải vào ngân sách nhà nước theo quy định.

7. Các Sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và nội dung của Quy định này.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn. Trong trường hợp phát hiện những vi phạm về quản lý chất thải thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra công tác tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về bảo vệ môi trường, thu gom rác thải vệ sinh môi trường đến toàn thể nhân dân trên hệ thống phát thanh - truyền hình, trang thông tin điện tử cấp xã và mạng xã hội;

d) Chỉ đạo, triển khai thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường làng nghề; đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn quản lý;

đ) Chỉ đạo các khu dân cư, tổ dân phố, làng, bản, cộng đồng dân cư tham gia giữ gìn vệ sinh đường phố, nơi công cộng và hệ thống kênh mương, ao, hồ, sông, suối trên địa bàn, thực hiện quy định về quản lý chất thải và đăng ký thực hiện quy ước, hương ước, cam kết giữ gìn vệ sinh;

e) Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia giám sát việc thực hiện các quy định quản lý chất thải trên địa bàn thông qua các biện pháp hỗ trợ cụ thể như: cung cấp số điện thoại đường dây nóng để phản ánh kịp thời các hành vi vi phạm; tổ chức tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải; thành lập các nhóm giám sát cộng đồng nhằm tăng cường hiệu quả giám sát và thực thi các quy định;

g) Có trách nhiệm thành lập, kêu gọi đầu tư và quản lý các doanh nghiệp hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn;

h) Định kỳ hàng năm lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và UBND tỉnh đảm bảo thời gian quy định.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị và các tổ chức thành viên:

a) Tuyên truyền, vận động toàn thể hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại rác thải tại nguồn; thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, nói không với túi ni lông khó phân hủy;

b) Chủ trì phát động và duy trì các phong trào thu gom rác thải và vệ sinh môi trường; xây dựng khu dân cư, tuyến đường tự quản về vệ sinh môi trường; xây dựng, hình thành tuyến phố, tuyến đường, tổ dân phố, khu dân cư tự quản, văn minh “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”; xây dựng và phát triển các phong trào tự quản bảo vệ môi trường gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”;

c) Phát huy vai trò trong đề xuất, phản biện xã hội, góp ý xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý chất thải rắn, bảo vệ môi trường. Giám sát trách nhiệm của các cấp chính quyền và cơ quan chức năng, các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; việc thu gom, xử lý chất thải rắn của các địa phương, tổ chức, cá nhân, các dự án và việc xử lý vi phạm về quản lý chất thải rắn

d) Tiếp tục xây dựng mới và nhân rộng các mô hình, điển hình của cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ môi trường, thực hiện nếp sống văn minh, vệ sinh môi trường. Trong đó tập trung ưu tiên xây dựng mới và nhân rộng tới các khu dân cư trên địa bàn tỉnh các mô hình về phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và giữ gìn vệ sinh môi trường ở cộng đồng dân cư.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đã thực hiện ký kết hợp đồng với các cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, trong đó có nội dung chưa phù hợp với Quy định này thì phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung hoặc ký kết lại hợp đồng cung ứng dịch vụ theo đúng Quy định này.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi việc triển khai quy định này, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

2. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới./.